

CHUYÊN MỤC

VĂN HỌC - NGÔN NGỮ HỌC - NGHIÊN CỨU VĂN HÓA NGHỆ THUẬT

NGHIÊN CỨU, GIỚI THIỆU VĂN HỌC VIỆT NAM Ở NHẬT BẢN

ĐOÀN LÊ GIANG*

Văn học Việt Nam được giới thiệu ở Nhật Bản từ đầu thập niên 1930, tăng lên nhanh chóng và có hệ thống từ đầu những năm 1960 đến nay. Bài viết này giới thiệu tổng quan tình hình nghiên cứu văn học Việt Nam ở Nhật Bản, bao gồm văn học cổ điển (viết bằng chữ Hán, chữ Nôm) và văn học hiện đại (viết bằng chữ Quốc ngữ Latin). Phần đầu giới thiệu các thể hệ học giả Nhật Bản nghiên cứu văn học Việt Nam và những công trình chung của họ, phần sau trình bày riêng các nghiên cứu về Nguyễn Du - Truyện Kiều, Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh - những tác giả được học giới Nhật Bản yêu thích, quan tâm đặc biệt.

Từ khóa: văn học Việt Nam, dịch văn học, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, thơ văn Phan Bội Châu, thơ Hồ Chí Minh, học giới Nhật Bản

Nhận bài ngày: 10/10/2018; đưa vào biên tập: 11/10/2018; phản biện: 13/10/2018; duyệt đăng: 25/10/2018

Việc nghiên cứu về Việt Nam được bắt đầu khá sớm ở Nhật Bản, từ đầu thập niên 1930 đã có một vài công trình. Đến thập niên 1940 thì số bài viết, sách du ký, sách dịch và nghiên cứu về Việt Nam tăng lên nhiều. Trong bối cảnh ấy, văn học Việt Nam cũng được nghiên cứu, giới thiệu và dịch thuật ở Nhật Bản với số lượng

khá phong phú.

Từ đầu thập niên 1960 đến nay, văn học Việt Nam được dịch, nghiên cứu, giới thiệu ở Nhật Bản với số lượng lớn và có hệ thống, đưa Nhật Bản trở thành một trong những quốc gia nghiên cứu văn học Việt Nam hàng đầu trên thế giới. Bài viết này giới thiệu tổng quan tình hình nghiên cứu văn học Việt Nam ở Nhật Bản, bao gồm văn học cổ điển (văn học viết bằng chữ Hán, chữ Nôm) và văn học hiện đại (viết bằng chữ Quốc ngữ

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Latin). Phần đầu giới thiệu các thể hệ học giả Nhật Bản nghiên cứu văn học Việt Nam và những công trình chung của họ, phần sau trình bày riêng các nghiên cứu Nguyễn Du - *Truyện Kiều*, Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh - những tác giả được học giới Nhật Bản yêu thích, quan tâm đặc biệt.

1. CÁC THỂ HỆ HỌC GIẢ NHẬT BẢN NGHIÊN CỨU VỀ VĂN HỌC VIỆT NAM

1.1. Thể hệ Phật - Ấn (trước 1945)

Phật-Ấn (*Futsu-In* 仏印), cách gọi tắt của người Nhật về Đông Dương: Phật lãnh Ấn Độ Chi Na 仏領印度支那 (*Futsu ryo Indoshina*: Đông Dương thuộc Pháp), tên gọi này tồn tại từ khi người Pháp đặt nền đô hộ lên vùng đất này cho đến 1945 thì chấm dứt. Đây cũng chính là giai đoạn hình thành nên thể hệ học giả, nhà văn Nhật Bản đầu tiên nghiên cứu, giới thiệu, dịch thuật về Việt Nam. Phần lớn họ là các giáo sư Đông Phương học ở các đại học danh tiếng như: GS. Matsumoto Nobuhiro, Trưởng khoa Văn học Đại học Keio, người mở đầu cho việc nghiên cứu văn học Việt Nam ở Nhật Bản; Okuno Shintaro, Giáo sư Đại học Keio, nhà Trung Quốc học, người Nhật đầu tiên nghiên cứu về *Truyền kỳ mạn lục*; Fujiwara Riichirô 藤原利一郎 (1915-2008), Giáo sư Đại học nữ Kyoto, chuyên gia về sử Đông Nam Á; Yamamoto Tatsurô 山本達郎 (1910-2001), Giáo sư Đại học Tokyo, chuyên gia về lịch sử Phương Đông... Nhưng trong số những người nghiên cứu, dịch thuật văn học Việt Nam cũng có

người lại là nhà văn, dịch giả như Komatsu Kiyoshi, người Nhật dịch *Truyện Kiều* đầu tiên. Có thể kể ra đây một số tên tuổi có nhiều thành tựu trong nghiên cứu văn học Việt Nam thời kỳ này.

Matsumoto Nobuhiro 松本信広 (1897-1981): tốt nghiệp Khoa Văn học Đại học Keio năm 1920, lấy bằng tiến sĩ ở Đại học Sorbone năm 1924, về nước làm giáo sư Đại học Keio. Năm 1933, sang Việt Nam nghiên cứu, năm 1934 ông cho in bộ *Thư mục sách Hán Nôm của trường Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội* (Lương Thị Thu, Nguyễn Thị Oanh, 2006). Ông có nhiều công trình có giá trị về văn hóa phương Đông: *Nghiên cứu về thần thoại Nhật Bản* (1931); *Dân tộc và văn hóa ở Đông Dương* (1942); *Nhập môn tiếng An Nam, Khảo luận về văn hóa các dân tộc Đông Á* (1968)...

Okuno Shintaro 奥野信太郎 (1899-1968): Tốt nghiệp Đại học Keio, du học Bắc Kinh, sau 1945 trở thành giáo sư Đại học Keio, viết nhiều sách về Trung Quốc theo dạng tùy bút rất thú vị: *Chi Na văn học tân tuyển* (1930), *Tùy bút Bắc Kinh* (1940), *Về đẹp Trung Quốc* (1963). Về văn học Việt Nam ông có bài *Truyền kỳ mạn lục, một tác phẩm của văn học An Nam* đăng trên tạp chí *Văn học Trung Quốc* (1940).

Hatakenaka Toshiro 畠中 敏郎 (1907-1998): Tốt nghiệp Khoa Pháp văn, Đại học Ngoại ngữ Osaka năm 1927. Từ năm 1931-1944, làm giáo sư Đại học Ngoại ngữ Osaka. Năm 1941, ông có đến Việt Nam và Campuchia 2 tháng,

về nhà viết tác phẩm *Phật Ấn (Đông Dương) phong vật chí* (1943). Năm 1944, làm giáo sư trong quân đội, làm việc ở Sài Gòn. Năm 1946 về nước, quay lại làm giáo sư Đại học Ngoại ngữ Osaka. Tác phẩm: *Lối nhỏ của văn học so sánh* (比較文学の小道, 1973), dịch nhiều tập thơ Pháp: Chateaubriand, Alphonse Daudet, George Sand...

Komatsu Kiyoshi 小松 清 (1900-1962): Dịch giả văn học Pháp, nhà văn, nhà phê bình văn học nổi tiếng ở Nhật Bản. Năm 1921 du học Pháp. Về nước dịch và giới thiệu André Malraux, André Gide. Năm 1937 sang Pháp làm đặc phái viên cho tờ *Hochi Shimbun*. Năm 1940 về nước, sau đó đi Đông Dương làm tùy viên văn hóa Lãnh sự quán Nhật Bản tại Việt Nam, cố vấn Viện Văn hóa Nhật Bản tại Hà Nội. Tác phẩm: *Những chiến sĩ thâm lặng - Nhật ký thời chiến ở Paris* (1940), *Trở lại Đông Dương* (1941), *Kim Vân Kiều - Nguyễn Du* (dịch, 1942), *Máu Việt Nam* (1954), *Việt Nam* (1955), *Lịch sử văn học Pháp* (1955)...

1.2. Thế hệ “Chiến tranh Việt Nam” (1945 - 1975)

Thế hệ thứ hai là “thế hệ chiến tranh Việt Nam”. Chiến tranh Việt Nam đã khiến Việt Nam trở thành chủ đề hàng ngày trên báo chí, ở những nơi hội họp và nhất là ở đại học. Năm 1964, Bộ Giáo dục Nhật Bản cho thành lập phân Khoa Tiếng Việt tại Đại học Ngoại ngữ Tokyo, và 10 năm sau, năm 1974, tại Đại học Ngoại ngữ Osaka. Ở Đại học Keio cũng có Trung tâm Nghiên cứu về Ngôn ngữ và văn

hóa phương Đông, trong đó trọng tâm là Việt Nam. Các giáo sư lớp trước như Hatakenaka Toshiro, Matsumoto Nobuhiro đã truyền tư liệu, kinh nghiệm và cảm hứng cho lớp sinh viên, nghiên cứu sinh, sau này là các giáo sư đại học kế tục mình. Thế hệ này có 2 học giả tiêu biểu là: Takeuchi Yonosuke ở Đại học Ngoại ngữ Tokyo và Kawamoto Kunie ở Đại học Keio, “truyền nhân” của 2 vị giáo sư nói ở trên.

Takeuchi Yonosuke 竹内与之助 (1922 - 1999): Tốt nghiệp Khoa Pháp văn Trường Ngoại ngữ Osaka năm 1941. Những năm đầu thập niên 1960, ông đến Sài Gòn dạy ở trường sinh ngữ thuộc Đại học Sài Gòn bốn năm rưỡi. Sau đó về Đại học Ngoại ngữ Tokyo để xây dựng bộ môn ngôn ngữ và văn học Việt Nam. Các sách đã xuất bản: *Tiểu từ điển Nhật-Việt*, *Tiểu từ điển Việt-Nhật*, *Từ điển chữ Nôm*. Dịch các tác phẩm *Kim Vân Kiều*, *Đoạn tuyệt*, *Hồn bướm mơ tiên*...

Kawamoto Kunie 川本 邦衛 (1929-2017): Tốt nghiệp Khoa Trung văn, Đại học Ngoại ngữ Tokyo, học xong cao học ở Đại học Keio năm 1958, ở lại trường làm trợ giảng tại Trung tâm Nghiên cứu Ngôn ngữ và Văn hóa. Năm 1971 được phong Giáo sư, năm 1990 làm giám đốc trung tâm ấy. Các sách đã xuất bản: *Việt Nam - thơ và sử* (1967), *Hồ Chí Minh - thơ và nhật ký* (1970), *Bất khuất* (Nguyễn Đức Thuận, dịch, 1976), *Tuyển tập truyện ngắn thế giới - Đông Nam Á* (1981), *Truyện kỳ mạn lục san bản khảo* (1998)...

1.3. Thế hệ sau 1975

Tiếp theo “thế hệ Chiến tranh Việt Nam” là thế hệ Hậu chiến, họ là học trò của thế hệ trước, kế nghiệp thầy trở thành các nhà Việt Nam học trụ cột ở các đại học Nhật Bản suốt mấy thập niên từ 1980 đến nay. Những người có nhiều đóng góp trong việc nghiên cứu về văn học Việt Nam là các học giả sau đây.

Kawaguchi Kenichi 川口 健一, sinh năm 1949, tốt nghiệp Đại học Ngoại ngữ Tokyo năm 1976, làm giảng viên trường này năm 1984, được phong Giáo sư năm 2002. Ông là nhà nghiên cứu và dịch giả văn học Việt Nam. Các sách đã xuất bản: *Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam* (dịch chung, 1991), *Nhật - Việt tiểu từ điển* (soạn chung, 1982), *Thạch Lam: Nắng trong vườn* (dịch, 2000), *Lời mời gọi vào văn học Đông Nam Á* (soạn chung, 2001)...

Imai Akio 今井 昭夫, sinh năm 1956, tốt nghiệp Đại học Ngoại ngữ Tokyo năm 1979, làm giảng viên trường này năm 1984, được phong Giáo sư năm 2005. Ông là nhà nghiên cứu lịch sử, tư tưởng Việt Nam, nhưng cũng có nhiều công trình về văn học Việt Nam. Các sách đã xuất bản: *Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam (tiếp theo)* (dịch chung, 1987), *Ngôn ngữ và văn hóa ASEAN* (1997), *Lịch sử Việt Nam* (dịch chung, 2008), *Để hiểu biết về Đông Nam Á* (soạn chung, 2014)...

Shiraishi Masaya 白石 昌也, sinh năm 1947, tốt nghiệp Đại học Tokyo năm 1970. Năm 1979 học sử Đông Nam Á

tại Đại học Cornell (Hoa Kỳ). Năm 1982 là giảng viên bộ môn Việt - Thái, Đại học Ngoại ngữ Osaka. Từ 1983-1985 là giáo sư thỉnh giảng Đại học Paris 7. Năm 1992 trình luận án tiến sĩ *Phong trào dân tộc Việt Nam và Nhật Bản, Châu Á cận đại: trọng tâm là tư tưởng cách mạng của Phan Bội Châu* (ベトナム民族運動と近代日本・アジア ファン・ボイ・チャウの革命論を中心に) ở Đại học Tokyo. Năm 1999 ông làm Giáo sư Đại học Waseda. Các sách đã xuất bản: *Xã hội và quốc gia Đông Nam Á 5* (1993), *Anh hùng và hoàng tử Việt Nam hướng đến Nhật Bản: Phan Bội Châu và Cường Để* (2012)...

Sakurai Yumio 桜井由躬雄 (1945-2012), tốt nghiệp ngành sử phương Đông, Đại học Tokyo. Năm 1977 làm nghiên cứu ở Trung tâm Đông Nam Á, Đại học Kyoto. Năm 1989 bảo vệ luận án tiến sĩ tại Đại học Tokyo: *Sự hình thành làng Việt Nam: Lịch sử chế độ công điền (ruộng công của làng)/ ベトナム村落の形成-村落共有田=コンディエン制の史的展開*. Năm 1994 được phong Giáo sư. Ông là nhà nghiên cứu lịch sử, nhưng cũng có nghiên cứu về văn học. Các sách đã xuất bản: *Văn hóa lúa nước vùng Giang Nam Trung Quốc* (1984), *Từ điển Việt Nam* (1999), *Đông Nam Á tiền cận đại* (2006)...

Về dịch và giới thiệu văn học hiện đại Việt Nam có 5 tác giả đáng chú ý sau.

Takano Isao 高野功, dịch giả văn học Việt Nam, nhà báo. Takano sinh năm 1943 ở Kobe, tốt nghiệp Khoa Tiếng Việt, Đại học Tổng hợp Hà Nội năm 1971. Năm 1978, anh quay lại Việt

Nam với tư cách là phóng viên báo *Akahata* lấy tài liệu về cuộc chiến biên giới Việt-Trung, hy sinh ngày 7/3/1979 ở Lạng Sơn. Takano là dịch giả hai tác phẩm nổi tiếng của văn học Việt Nam kháng chiến: *Người mẹ cầm súng* của Nguyễn Thi và *Áo trắng* của Nguyễn Văn Bổng, đều do Shinnihon xuất bản 1980. Ngoài 2 dịch phẩm trên anh còn để lại tập bản thảo *Ngày 7 tháng 3 ở Lạng Sơn*, không rõ đã được xuất bản hay chưa. Tình cảm của anh đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam hết sức nồng hậu. Người Việt Nam vẫn nhớ đến anh qua bài hát nổi tiếng của nhạc sĩ Phó Đức Phương: *Takano nhân chứng quả cảm*: “Xin hát về người con của đất nước tuyết trắng Fuji hùng vĩ. Anh đã đến quê tôi trong những ngày lửa khói, tâm hồn anh tươi thắm như hoa anh đào hé nở. (...) Ôi! Isayo Takano! Chiều nay tôi đứng đây nghe lưng trời gió nổi! Ôi! Isayo Takano! Chặng đường anh qua hôm nay hoa đang nở thắm! Ôi! Isayo Takano! Gửi tới quê anh mối tình lắng sâu lòng tôi!...”. Anh ngã xuống ở Việt Nam để lại vợ và con gái nhỏ ở Nhật Bản.

Higuma Masumi 日隈真澄, nhà nghiên cứu Việt Nam, ông đã dịch ít nhất là 8 quyển sách độc lập của Nguyễn Huy Tưởng, Nguyên Hồng, Nguyễn Đình Thi, Chu Văn, Phan Tứ, Nguyễn Sáng, Lê Văn Thảo, Đặng Thanh. Sách đều do Shinnihon và Shinkyo xuất bản từ 1981 đến 1983. Higuma sinh năm 1948 ở thành phố Kagoshima (tỉnh Kagoshima, phía nam đảo Kyushu).

Năm 1972 học tiếng Việt ở Đại học Ngoại ngữ Tokyo, năm 1973 sang Việt Nam và học tiếng Việt ở Đại học Tổng hợp Hà Nội, năm 1976 tốt nghiệp. Từ 1977 đến 1989 là giáo sư thỉnh giảng Đại học Ngoại ngữ Tokyo và Đại học Seijo (Tokyo). Sau đó giảng dạy ở Học viện Ngôn ngữ Á-Phi, Sở Nghiên cứu Ngữ học (Bộ Ngoại giao), Hội Mậu dịch Nhật-Việt...

Tomita Kenji 富田健次, Giáo sư Đại học Ngoại ngữ Osaka - trường đại học có cơ sở giảng dạy, nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam lớn thứ hai ở Nhật Bản, sau Đại học Ngoại ngữ Tokyo. Tomita Kenji sinh năm 1947 ở tỉnh Nagasaki. Tốt nghiệp Đại học Ngoại ngữ Tokyo, thạc sĩ Đại học Giáo dục Tokyo. Năm 1982 - 1983 học Đại học Tổng hợp Hà Nội. Từ năm 1977 đến khi về hưu (2013) ông là giảng viên Đại học Ngoại ngữ Osaka, được phong Phó Giáo sư năm 1983, Giáo sư năm 1994. Về việc dịch văn học Việt Nam ông có khuynh hướng thiên về văn học dân gian. Tập truyện cổ Việt Nam đầu tiên của ông (dịch chung) được xuất bản năm 1986, tập thứ hai xuất bản năm 1991. Ngoài văn học dân gian, ông còn dịch tiểu thuyết *Hòn đất* của Anh Đức (bản tiếng Nhật có tên là *Hondat dôkutsu no yoake* ホンダット洞窟の夜明け/ Bình minh trong hang Hòn Đất), được Hataka Shoten xuất bản năm 1992, sách in ở Đài Loan.

Kato Sakae 加藤 栄, sinh năm 1953, tốt nghiệp Đại học Ngoại ngữ Tokyo, Phó Giáo sư Khoa Quan hệ Quốc tế

Đại học Daito Bunka, dịch giả và nhà nghiên cứu văn học Việt Nam. Các sách đã xuất bản: *Hiểu thêm về Việt Nam* (1995), *Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam* (dịch chung, tập 1: 1995, tập 2: 2005), *Thường thức văn học Việt Nam* (1998), dịch các tác phẩm của Ma Văn Kháng, Nguyễn Thị Thu Huệ, Nguyễn Chí Huân, Nguyễn Nhật Ánh...

Nohira Munehiro 野平 宗弘, tốt nghiệp Đại học Ngoại ngữ Tokyo năm 1995, học trò của GS. Kawaguchi và GS. Imai, bảo vệ luận án tiến sĩ tại trường này năm 2007. Hiện là giảng viên Đại học Ngoại ngữ Tokyo. Các sách đã xuất bản: *Độc Henry Miller* (2008), *Ý thức mới - Phạm Công Thiện, nhà tư tưởng Việt Nam lưu vong* (2009), *Bacchanalia - Yến tiệc văn chương và rượu* (2012), *Phạm Công Thiện “Im lặng hổ thẹn”* (2018)...

2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TIÊU BIỂU VỀ VĂN HỌC VIỆT NAM

Nghiên cứu đầu tiên về văn học Việt Nam của học giả Nhật Bản có lẽ là *Thư mục sách Hán Nôm của trường Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội* (河内佛國極東學院所藏安南本書目) do Matsumoto Nobuhiro thực hiện 1933, Hội Sử học Mita xuất bản 1934 (三田史学会、1934、史学 Vol.13, N^o.4 (1934.12), p.203(785)-204(786)).

Nghiên cứu đầu tiên về Phan Bội Châu là *Truyện các chí sĩ tiên phong Đông Á* (東亜先覚志士記伝) do Hắc Long Hội/Kokuryukai (黒龍会) biên tập, Kokuryukai shuppanbu xuất bản năm

1935, trong đó có truyện về Phan Bội Châu (Nguyễn Tiến Lực, 2017). Nghiên cứu đầu tiên về *Truyện kỳ mạn lục* là bài *Truyện kỳ mạn lục, một tác phẩm của văn học An Nam* của Okuno Shintaro 奥野信太郎, đăng trên tạp chí *Văn học Trung Quốc*, số 67-1940 (「安南文学の一例として見たる『傳奇漫録』『中国文学』六十七号、1940年) (dẫn theo Kawamoto Kunie, 1998). Công trình nghiên cứu và dịch *Truyện Kiều* đầu tiên ở Nhật Bản là *Kim Vân Kiều* do Komatsu Kiyoshi dịch (Toho xuất bản, 1942). Chúng tôi sẽ trình bày kỹ hơn ở các mục 3, 4 dưới đây.

Công trình nghiên cứu có hệ thống về lịch sử và thơ ca cổ điển Việt Nam ra đời sớm nhất là *Việt Nam thơ và sử* (ベトナム詩と歴史) của GS. Kawamoto Kunie (Đại học Keio), Bungeshunshu xuất bản, Tokyo, 1967. Tập sách có 12 chương, được viết với các tên chương mục rất thu hút, chẳng hạn như: Chương 1: Sự xuất hiện đất nước của Rồng; Chương 2: Nước, lửa và trăn châu; Chương 3: Bắt đầu ý thức dân tộc; Chương 4: Nước An Nam trong đêm đen đẫm máu; Chương 5: Bước tới những triều đại độc lập... Bằng cái nhìn của thể hệ trí thức trẻ Nhật Bản chống chiến tranh Việt Nam, Kawamoto thể hiện một thiện cảm không che giấu về lịch sử anh hùng và nền thơ ca cổ điển giàu tinh thần phản kháng của dân tộc Việt Nam. Các nhà thơ Hán Nôm lớn nhất của văn học Việt Nam đã được giới thiệu một cách trang trọng, đó là: Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn

Du, Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh.

Sau năm 1975, Kawamoto tiếp tục đi sâu vào nghiên cứu lịch sử và văn chương cổ điển Việt Nam. Ngoài các nghiên cứu về *Truyện Kiều*, Phan Bội Châu (sẽ nói kỹ ở dưới), ông là học giả Nhật Bản nghiên cứu về *Truyền kỳ mạn lục* chuyên sâu nhất.

Nghiên cứu đầu tiên về *Truyền kỳ mạn lục* của các học giả Nhật Bản là bài *Truyền kỳ mạn lục, một tác phẩm của văn học An Nam* của Okuno Shintaro đã nói ở trên. Ngoài ra còn có Hirai Tooru 平井徹 với bài: *Từ Cai Hạ đến sông Ô – Diễn cổ Hạng Vũ và Truyền kỳ mạn lục*, Tạp chí *Giáo dục Hán tự Hán văn* (số 27), tháng 11/1998, p.94-107 (垓下から烏江へ--『伝奇漫録』と項羽故事).

Năm 2011, Đại học Ngoại ngữ Tokyo đã tổ chức hội thảo quốc tế *Truyện truyền kỳ Đông Á: cuộc du hành của “Mẫu đơn đăng ký” ở Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam* (シンポジウム報告 牡丹灯籠の旅: 中国、日本、ベトナム). Các tham luận sau khi trình bày đã được đăng ở đâu chúng tôi không rõ, còn bản thân chúng tôi thì có bài: *So sánh “Chuyện cây gạo” của Nguyễn Dữ với “Mẫu đơn đăng ký” của Cù Hựu* (ドアン・レーザン: 「木綿樹伝」(阮嶼『伝奇漫録』)と「牡丹灯記」(瞿佑『剪灯新話』): 比較考察). Sau đó bài đăng trên tạp chí *Nghiên cứu Nhật Bản và tiếng Nhật* (日本語・日本学研究) của Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản quốc tế của Đại học Ngoại ngữ Tokyo, số 1-2011, p.129-135.

Ngoài những bài viết trên thì những thành tựu nghiên cứu về tác phẩm “thiên cổ kỳ bút” này chủ yếu là của GS. Kawamoto Kunie.

Với sở trường Hán văn cổ và Trung văn, Kawamoto Kunie đã khởi sự việc nghiên cứu về *Truyền kỳ mạn lục* từ khá sớm, năm 1969, đó là bài: *Truyền kỳ mạn lục tiểu khảo* (伝奇漫録小攷) đăng trên tạp chí *Nghiên cứu Văn nghệ*, số 27, tháng 3/1969, p.375-394. Tiếp theo là bài: *Về chữ Nôm trong Truyền kỳ mạn lục tăng bổ giải âm tập chú* (伝奇漫録増補解音集註)にみえる(ジ)喃について), Đại học Keio xuất bản, Kỷ yếu của Sở Nghiên cứu Ngôn ngữ Văn hóa, số 6, tháng 12/1974, p.19-42. Bài này mở đầu cho loạt bài nghiên cứu trên tạp chí của Sở Nghiên cứu Ngôn ngữ Văn hóa Đại học Keio với tên gọi chung: *Sổ tay nghiên cứu Truyền kỳ mạn lục* (「伝奇漫録」研究ノート), bài 2 đăng số 16, tháng 12/1984, p.83-107; bài 3 đăng số 17, tháng 12/1985, p.75-89; bài 4 đăng số 19, tháng 12/1987, p.41-74; bài 5 đăng số 20, tháng 12/1988, p.33-73; bài 6 đăng số 23, tháng 12/1991, p.39-59. Kết thúc loạt bài này là bài: *Cách dịch tục ngữ trong Tân biên Truyền kỳ mạn lục (Phúc khắc bản)* (覆刻本「新編伝奇漫録」俗語訳の性格) đăng số 26, tháng 12/1994, p.93-114.

Từ các bài viết về *Truyền kỳ mạn lục* đăng tạp chí, GS. Kawamoto Kunie đã hệ thống hóa, chỉnh sửa thành sách *Truyền kỳ mạn lục san bản khảo* (伝奇漫録刊本攷), Sở Nghiên cứu Ngôn ngữ Văn hóa Đại học Keio xuất bản, 1998.

Có thể nói đây là công trình công phu, dày dặn, có nhiều đóng góp nhất của các học giả nước ngoài về *Truyền kỳ mạn lục*. Sách có 6 chương: Chương 1: Tác giả và năm sáng tác; Chương 2: Tiêu đề và thủ pháp của *Truyền kỳ mạn lục*; Chương 3: Về bản in *Truyền kỳ mạn lục*; Chương 4: Về hai xã Hồng Liêu và Liễu Chàng; Chương 5: Về kiêng húy trong *Cựu biên Truyền kỳ mạn lục*; Chương 6: Chú thích bản in *Truyền kỳ mạn lục*.

Cùng thể hệ với GS. Kawamoto Kunie, ở Đại học Ngoại ngữ Tokyo có GS. Takeuchi Yonosuke. Riêng về văn học cổ điển Việt Nam, GS. Takeuchi có các công trình nghiên cứu, giới thiệu rất căn bản, hàn lâm theo kiểu nghiên cứu của giới đại học. Bên cạnh việc dịch, giới thiệu *Truyện Kiều* của Nguyễn Du (chúng tôi sẽ nói kỹ ở dưới), Takeuchi dịch và giới thiệu *Chinh phụ ngâm khúc* (征婦吟, Daigakushorin xuất bản, phát hành, Tokyo, 1984); *Nguyễn Đình Chiểu: Lục Vân Tiên* (阮廷炤, 陸雲仙, Daigakushorin xuất bản, phát hành, Tokyo, 1986).

Tiếp theo thể hệ Chiến tranh Việt Nam là thể hệ Hậu chiến, gồm các nhà Việt Nam học trụ cột ở các đại học từ thập niên 1980 đến nay.

GS. Kawaguchi Kenichi viết về Việt Nam trong công trình chung với GS. Udo Seiji: *Lời mời gọi đến văn học Đông Nam Á* (東南アジア文学への招待, Dandan sha xuất bản, 2001).

GS. Imai Akio quan tâm đến phương diện tư tưởng của các nhà văn cổ

điển Việt Nam, tập trung nhất là tư tưởng Nho giáo, như một số bài tiêu biểu dưới đây: *Nghiên cứu Nho giáo ở Việt Nam trong những năm gần đây: Trọng tâm là những nghiên cứu của GS. Trần Đình Hượu* (近年のベトナムにおけるベトナム儒教研究: チャン・ディン・フオウ教授の研究を中心に), kỷ yếu *Tập tham luận của Đại học Ngoại ngữ Tokyo*, số 42, ngày 10/3/1991, p.295-307; *Tôn giáo và “quốc dân” trong người trí thức Việt Nam cận đại: từ Nguyễn Trường Tộ đến Nguyễn An Ninh* (近代ベトナム知識人における「宗教」と「国民」: グエン・チョオン・トからグエン・アン・ニンまで), kỷ yếu *Tập tham luận của Đại học Ngoại ngữ Tokyo*, số 52, ngày 30/3/1996, p.331-341...

Quỹ Giao lưu Quốc tế (Japan Foundation) đã dành nhiều kinh phí cho việc nghiên cứu Việt Nam. Năm 1995 Trung tâm Châu Á của Quỹ này đã tổ chức tọa đàm về văn học Việt Nam do Kato Sakae, dịch giả nổi tiếng về văn học Việt Nam hiện đại trình bày. Tập bài giảng đã được xuất bản sau đó với nhan đề *Thưởng thức văn học Việt Nam* (từ tọa đàm *Hiểu biết Châu Á*, lần 2, 1995) (ベトナム文学を味わう), Japan Foundation xuất bản, 1998. Có thể coi tập sách như một cuốn giáo trình văn học Việt Nam thu nhỏ. Sách gồm 10 chương: Chương 1: Bối cảnh của văn học Việt Nam; Chương 2: Văn học tiền cận đại: văn học truyền miệng; Chương 3: Văn học tiền cận đại: văn học viết; Chương 4: Đối với văn học Châu Á: cận đại là gì?; Chương 5: Sự hình thành văn học cận

đại (1): văn học thời giao thoa Cũ Mới; Chương 6: Sự hình thành văn học cận đại (2): văn học nửa đầu thập niên 1930; Chương 7: Nhà văn và chính sách văn học của Đảng Cộng sản; Chương 8: Văn học giai đoạn chống Mỹ cứu nước; Chương 9: Xu hướng mới của văn học Hậu chiến (sau 1975); Chương 10: Văn học sau Đổi mới. Văn học cổ điển được trình bày kỹ ở chương 3 với các mục: văn học thời Lý, Trần, Lê, Nguyễn; văn học chữ Nôm...

GS. Sakurai Yumio, làm việc tại Đại học Tokyo, cùng tiền sĩ người Việt là Phạm Thị Thu Giang (Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội) cho ra đời công trình *Phật giáo Việt Nam* (trong bộ sách lớn *Lịch sử Phật giáo Châu Á* (mới)/ 新アジア仏教史, Kosei xuất bản năm 2010). Qua tập sách này, văn học Phật giáo Việt Nam thời Lý Trần được giới thiệu rộng rãi ở Nhật Bản. Xin điểm qua nội dung chính: quá trình hình thành Phật giáo Việt Nam; Phật giáo Việt Nam sơ kỳ (Phật giáo thời Bắc thuộc, Phật giáo Lâm Ấp, Champa, Phật giáo Phù Nam); Phật giáo Việt Nam sau khi giành độc lập; từ cận đại đến hiện đại.

Trong nghiên cứu văn học Việt Nam thì *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, cuộc đời, thơ văn Phan Bội Châu và *Nhật ký trong tù* của Hồ Chí Minh là 3 chủ đề được giới nghiên cứu Nhật Bản quan tâm nhất. Sở dĩ có tình trạng ấy, thì ngoài lý do giá trị và tầm vóc của các tác giả, tác phẩm đó, còn có lý do

là tác phẩm, tác giả đó có những liên hệ mật thiết với Nhật Bản.

3. NGHIÊN CỨU VỀ NGUYỄN DU VÀ *TRUYỆN KIỀU*

Bản dịch *Truyện Kiều* ra tiếng Nhật đầu tiên có tên là *Kim Vân Kiều* (阮攸著、小松清譯、金雲翹) do nhà văn Komatsu Kiyoshi 小松清 dịch, Toho in và phát hành năm 1942. Bài bạt rất công phu của dịch giả trong sách ấy cũng chính là nghiên cứu đầu tiên về *Truyện Kiều* của người Nhật Bản. Komatsu Kiyoshi là dịch giả văn học Pháp, nhà văn, nhà phê bình văn học nổi tiếng ở Nhật Bản. Năm 1941, ông đến Đông Dương gặp người bạn cũ từng du học bên Pháp là thi sĩ Nguyễn Giang, con trai học giả Nguyễn Văn Vĩnh. Nhờ cuộc gặp gỡ ấy mà ông biết đến *Truyện Kiều*, bị thu hút bởi tác phẩm này nên ông mới đề tâm dịch thuật và nghiên cứu. Bản *Truyện Kiều* này được xuất bản đến 3 lần: lần đầu tiên - năm 1942, lần 2 một năm sau - năm 1943 và lần 3 vào năm 1948.

Hatakenaka Toshiro là người đầu tiên tìm mối liên hệ giữa *Truyện Kiều* của Nguyễn Du với các tác phẩm “anh em” của nó trong văn học thời Edo của Nhật Bản. Năm 1960 ông có công bố bài nghiên cứu quan trọng: *Kim Vân Kiều khảo* (「金雲翹」考), đăng trên tạp chí *Văn học so sánh* của Hội Văn học so sánh Nhật Bản, số 3, tháng 9/1960, p.37-54. Năm 1972, ông trở lại vấn đề này với bài viết: *Về Kim Vân Kiều* (金雲翹について) đăng trên tạp chí *Đại học Ngoại ngữ Osaka*,

số 27, ngày 25/1/1972, p.11-21. Trong các bài viết của mình, GS. Hatakenaka đã phát hiện ra ở Nhật Bản cũng có bản dịch và phóng tác *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân. Năm 1754, *Kim Vân Kiều truyện* truyền vào Nhật Bản qua con đường tàu buôn, được Nishida Korenori 西田維則 (?-1765) dịch ra tiếng Nhật với tên gọi *Tú tượng thông tục Kim Kiều truyện* 繡像通俗金翹傳 (Truyện Kim Kiều bằng tiếng thường - có tranh minh họa). Sau đó tác phẩm này còn được nhà văn Kyokutei Bakin 曲亭馬琴 (1767-1848) phóng tác thành *Phong tục Kim Ngư truyện* 風俗金魚傳 (Truyện con cá vàng - bằng tiếng thường) và được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1829-1830.

Trước khi đăng tạp chí, năm 1959, GS. Hatakenaka đã trình bày bài viết của mình *Kim Vân Kiều và văn học thời Edo* (江戸文学と金雲翹) ở Đại học Ngoại ngữ Osaka. Bài nói chuyện đã được một sinh viên trẻ là Takeuchi Yonosuke chú ý. Trong thời gian đi dạy tiếng Nhật ở Việt Nam từ 1960-1964 Takeuchi đã quan tâm đến *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, và sau đó anh đã trở thành dịch giả và nhà nghiên cứu về *Truyện Kiều* hàng đầu ở Nhật Bản.

Bài nghiên cứu đầu tiên của Takeuchi về *Truyện Kiều* được công bố vào năm 1966, đó là bài: *Nguyễn Du và Kim Vân Kiều tân truyện* (阮攸(グエン・ズウ)と金雲翹新伝), tạp chí *Đại học Ngoại ngữ Tokyo*, số 14, tháng 12/1966, p.105-119. Gần 10 năm sau

ông công bố bản dịch *Truyện Kiều* của mình: *Kim Vân Kiều* 金雲翹, tác giả Nguyễn Du, Kodansha xuất bản, 1975. Sách này không chỉ là bản dịch đơn thuần mà còn có phần khảo cứu cực kỳ công phu gọi là *Giải thuyết* với 4 bài viết, hơn 130 trang: (1) *Kim Vân Kiều tân truyện trong lịch sử văn học Việt Nam* (31 trang, p.262-292) của Takeuchi Yonosuke; (2) *Nguyễn Du và Kim Vân Kiều tân truyện* (82 trang, p.293-374) của Takeuchi Yonosuke; (3) *Một số khảo sát liên quan đến tiếng Việt* (9 trang, p.375-383) của Nguyễn Cao Đàm; (4) *Kim Vân Kiều và văn học Edo* (10 trang, p.384-393) của Giáo sư Hatakenaka Toshiro (đã nói ở trên).

Mười năm sau công trình dịch thuật thứ hai công phu ấy, năm 1985, Giáo sư Takeuchi lại soạn lại *Kim Vân Kiều* với bản trích dịch cô đọng hơn, chủ yếu dùng để làm tài liệu học tập cho sinh viên. Bản dịch có tên là *Kim Vân Kiều tân truyện*, do Đại học Thư Lâm xuất bản. Phía sau cuốn sách có phụ bản chữ Nôm với loại chữ viết bằng máy tính.

GS. Kawamoto Kunie (Đại học Keio) cũng đi vào vấn đề văn bản *Truyện Kiều* qua bài viết: *Một số vấn đề xung quanh thời gian sáng tác Kim Vân Kiều tân truyện* (「金雲翹新伝」成立をめぐる若干の問題), Kỷ yếu của *Trung tâm Nghiên cứu Ngôn ngữ Văn hóa Đại học Keio*, số 2, tháng 2/1971, p.1-25. Bài viết tổng hợp kết quả nghiên cứu của các nhà nghiên cứu Việt Nam và đưa ra kiến giải riêng.

Năm 1990, Daishukan shoten (Đại Tu Quán thư điểm), một nhà xuất bản danh tiếng của Nhật Bản, xuất bản số chuyên đề *Bách khoa thư về Việt Nam - Cuộc du hành văn hóa lịch sử, Tokyo* (quyển số 1990-2000, 金雲翹、特集 ベトナム小百科--文化と歴史を旅する 34 のキーワード), trong đó có bài về *Truyện Kiều* của Nguyễn Du: *Kim Vân Kiều* (金雲翹).

Năm 1995, Akiyama Tokio 秋山時夫 (1917-1995), một cựu binh từ chiến trường Đông Dương, do yêu thích *Truyện Kiều* đã dịch và xuất bản, bản dịch mới có tên *Kim Vân Kiều* (金雲翹) do Trung tâm Dịch vụ của Nhà xuất bản Kodansha ấn hành năm 1996, sách dày 228 trang. Sau khi dịch và xuất bản *Truyện Kiều*, Akiyama Tokio cho xuất bản một cuốn sách có tính nghiên cứu về *Truyện Kiều* với nhan đề: *Đi tìm nguyên gốc Truyện Kiều* (キムヴァンキエウ げんてん さぐ (金雲翹の原典を探索), do tác giả tự xuất bản, Công ty Shinko ấn hành (新興印刷株式会社), Tokyo, 1997. Đây không phải là công trình văn bản học đi tìm nguyên tác *Truyện Kiều*, mà là tập sách nghiên cứu so sánh nội dung từng chương *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân và *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Akiyama không phải là nhà nghiên cứu và dịch giả văn học chuyên nghiệp, nhưng 2 quyển sách mà ông để lại là món quà quý thể hiện tình yêu của một người Nhật đối với kiệt tác văn học Việt Nam.

Năm 2005, bản dịch *Truyện Kiều* thứ 5 bằng tiếng Nhật được xuất bản.

Nhan đề sách là: *Nguyên tác: Nguyễn Du, Truyện Thúy Kiều, Việt - Anh dịch*, cước chú: Lê Xuân Thủy, Anh - Nhật dịch: Seiji Sato và Yoshiko Kuroda, Công ty trách nhiệm hữu hạn Kibijin, Tokyo, ngày 9/3/2005. Ngoài việc chỉnh sửa văn phong, Kuroda Yoshiko còn viết bài bạt: *Thế giới của lời thề* (「誓^{ちか}い」の世界). Bài bạt thể hiện niềm yêu thích *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, đánh giá rất cao giá trị nghệ thuật của tác phẩm, đồng thời nữ sĩ còn phát hiện ra thế giới nghệ thuật độc đáo của tác phẩm là thế giới của lời thề: tất cả các nhân vật đều thề, và cốt truyện được triển khai theo những lời thề ấy.

Cũng năm ấy, GS. Ishii Kôsei 石井 公成, học giả Phật giáo Đông Á, làm việc ở Đại học Komazawa có bài nghiên cứu về *Truyện Kiều: Biến tấu Kim Vân Kiều*, tạp chí *Văn học* (số chuyên đề *Độc lại Khu vực văn hóa chữ Hán-Đông Á*) (『金雲翹』の変奏) (特集 東アジア--漢文文化圏を読み直す; 東アジアのネットワーク), Iwanami shoten 6(6) 2005, p.166-169.

Việc nghiên cứu chuyên sâu, có đóng góp quan trọng về *Truyện Kiều* phải kể đến các nghiên cứu của các giáo sư Đại học Ngoại ngữ Tokyo. Trước hết là các nghiên cứu của GS. Kawaguchi Kenichi. Kawaguchi tiếp tục con đường nghiên cứu hàn lâm về *Truyện Kiều* của thầy mình là GS. Takeuchi Yonosuke. Nếu như GS. Hatakenaka Toshiro, người đã tìm ra những “anh em” của *Truyện Kiều* ở

văn học Edo, đã gợi ý cho người học trò Takeuchi Yonosuke của mình đến với *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, thì đến lượt mình, Kawaguchi lại làm rõ những gợi ý mà Hatakenaka đưa ra. Kawaguchi đã nghiên cứu sâu hơn về *Thông tục Kim Kiều truyện* của Nishida Korenori và *Phong tục Kim Ngư truyện* của Kyokutei Bakin. Ông đã công bố kết quả nghiên cứu của mình qua 2 bài:

- *Một số vấn đề xung quanh hai tác phẩm của Nguyễn Du và Bakin* (阮攸 (グエン・ズー)と馬琴: 二つの作品をめぐって), Tạp chí *Nghiên cứu Nhật Bản và tiếng Nhật* (日本語・日本学研究), Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản Quốc tế của Đại học Ngoại ngữ Tokyo, số 3-2013 (tiếng Nhật), p.199-213;

- *Truyện Kiều từ góc độ văn học so sánh Đông Á*, in trong kỷ yếu *Di sản văn chương đại thi hào Nguyễn Du 250 năm nhìn lại*, Viện Văn học, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2015, tr. 464 - 473.

TS. Nohira Munehiro, học trò của GS. Kawaguchi, hiện là giảng viên Đại học Ngoại ngữ Tokyo tiếp tục con đường nghiên cứu sâu về Nguyễn Du. Anh nghiên cứu thơ chữ Hán Nguyễn Du. Năm 2015, anh công bố 2 bài quan trọng:

- *Khuất Nguyên trong thơ chữ Hán đầu thế kỷ XIX của Nguyễn Du, nhà thơ Việt Nam* (ベトナムの詩人、阮攸の19世紀初頭漢詩作品における屈原), *Nhật Bản nghiên cứu giáo dục niên báo* của Đại học Ngoại ngữ Tokyo, số 19, tháng 3/2015, p.175-190;

- *Một giả thuyết khác về hành trình đi sứ của Nguyễn Du năm 1813-1814*, in trong kỷ yếu *Di sản văn chương đại thi hào Nguyễn Du 250 năm nhìn lại*, Viện Văn học, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015, tr. 283-290.

Bài thứ hai có nhiều phát hiện rất đáng chú ý. Trong bài viết này anh chứng minh miếu Nhạc Phi mà Nguyễn Du viết trong *Bắc hành tạp lục* không phải là miếu ở Tây Hồ, Hàng Châu như Đào Duy Anh xác định, mà là miếu ở Hà Nam. Trong bài viết anh cũng xác định lại vị trí các địa danh: mộ Chu Lang, núi Ngũ Tổ Sơn, Thạch đài của Lương Chiêu Minh Thái Tử, nơi Vinh Khải Kỳ mọc lúa, trạm Tây Hà khác với chú giải của các nhà nghiên cứu Việt Nam. Từ những kết luận đó của Nohira có thể dẫn đến phải vẽ lại sử trình Nguyễn Du và sắp xếp lại các bài thơ trong *Bắc hành tạp lục*.

4. NGHIÊN CỨU VỀ PHAN BỘI CHÂU

Trong số các tác gia văn học Hán Nôm Việt Nam thì Phan Bội Châu là người được chú ý nghiên cứu nhiều nhất và từ rất sớm. Công trình đầu tiên là *Truyện các chí sĩ tiên phong Đông Á* (東亜先覚志士記伝) do Hắc Long Hội/Kokuryukai (黒龍会) biên tập, Kokuryukai shuppanbu xuất bản năm 1935, trong đó có truyện về Phan Bội Châu⁽²⁾. Tiếp theo là 2 quyển nữa: (1) *Inukai Bokudo truyện* (犬養木堂伝) do Toyo Keizai Shimpo biên tập, Toyo Keizai Shimposha xuất bản 1938-1939, trong đó giới thiệu hoạt động của Phan Bội Châu ở Nhật và sự giúp đỡ thiết thực của Inukai Tsuyoshi đối

với ông; (2) *An Nam lê minh ký* (安南黎明記) của Sakurada Tsunehisa 桜田常久 (1897-1980), Kodansha xuất bản, 1942. Trong đó Phần 1 viết về Lưu Vĩnh Phúc, Phần 2 về Phan Bội Châu và Phần 3 về Nguyễn Thái Học.

Đến thập niên 1960, những nghiên cứu về Phan Bội Châu lại được tiếp tục. Trước hết là những nghiên cứu của Tanigawa Yoshihiko 谷川栄彦, giáo sư lịch sử Đông Nam Á, Đại học Hirishima Shudo. Tanigawa viết về họ Phan trong các công trình chung về sử Việt Nam trước 1945, như bài: *Phong trào dân tộc Việt Nam trước Chiến tranh thế giới lần thứ I* (第一次世界大戦前のヴェトナム民族主義), tạp chí *Hosei kenkyu*, số 7-1961, hay công trình dài hơn: *Lịch sử phong trào dân tộc ở Đông Nam Á* (東南アジア民族解放運動史), Keisoshobo xuất bản năm 1979.

Học giả nghiên cứu sâu nhất về Phan Bội Châu thập niên 1960 đến 1970 là Kawamoto Kunie 川本邦衛. Từ năm 1966, ông và Nagaoka Shinjiro 長岡新次郎 đã cho xuất bản sách nghiên cứu về Phan Bội Châu: *Việt Nam vong quốc sử và những tác phẩm khác* (ヴェトナム亡国史他), Heibonsha xuất bản, 1966. Sau đó ông có nhiều bài đi vào nghiên cứu tư tưởng của Phan Bội Châu thông qua văn bản tác phẩm của nhà yêu nước họ Phan. Đó là các bài:

- *Về các trước tác thời kỳ đầu của Phan Bội Châu* (潘佩珠の初期の著作について), tạp chí *Keio daigaku - Gebun kenkyu*, số 30-1971;

- *Quan điểm về Nhật Bản của Phan Bội Châu* (潘佩珠 (Phan-Boi-Chau) の日本観), tạp chí *Rekishigaku kenkyu*, số 391, tháng 12/1972, p.38-45;

- *Tư tưởng của Phan Bội Châu trong thời kỳ Duy Tân - Đông Du: Nguyên điểm của phong trào dân tộc Việt Nam* (維新東遊期における潘佩珠の思想-ヴェトナム民族運動の起点), tạp chí *Shiso*, số 584, tháng 2/1973, p.140-154;

- *Quan hệ giữa Phan Bội Châu với phái Bảo hoàng và phái Cách mạng đồng minh hội trong thời kỳ Duy Tân - Đông Du* – bài 1 (潘佩珠と保皇及び革命同盟会との関係 維新東遊期についてみたる), Tạp chí *Keio gijutsu daigaku gengo bunka kenkyusho*, số 11-1979, bài 2, số 13, tháng 12/1981, p.51-69.

Từ thập niên 1980 đến nay, nhà nghiên cứu chuyên sâu nhất, có nhiều đóng góp nhất về Phan Bội Châu là GS. Shiraishi Masaya 白石昌也, học giả về chính trị quốc tế Nhật Bản, giáo sư Đại học Waseda. Từ năm 1975 ông đã công bố bài viết công phu bằng tiếng Anh: *Phan Boi Chau and Japan* (Phan Bội Châu và Nhật Bản) đăng trên tạp chí *Southeast Asian Studies* của Đại học Kyoto, Vol.13, N^o.3, 1975. Với nguồn tư liệu phong phú ở Việt Nam (cả miền Nam và miền Bắc), Nhật Bản, Trung Quốc, Shiraishi đã viết hàng chục bài đi sâu vào giai đoạn Phan Bội Châu ở Nhật Bản, Trung Quốc và xem xét họ Phan trong mối liên hệ với các phong trào dân tộc ở Châu Á. Các bài viết ấy đăng trên các tạp chí: *Tonan Ajia kenkyu* (Đại học Kyoto), *Toyo Bunka Kenkyujo*

Kiyo, Toyoshi kenkyu, kỷ yếu Osaka Gaikokugo daigaku Tai-Betonamugo gakka, kỷ yếu Kokuritsu kyoiku kenkyusho... Năm 1992, ông trình luận án tiến sĩ ở Đại học Tokyo với đề tài: *Phong trào dân tộc Việt Nam và Nhật Bản, Châu Á cận đại: trọng tâm là tư tưởng cách mạng của Phan Bội Châu* (ベトナム民族運動と近代日本・アジアファン・ボイ・チャウの革命論を中心に). Sau đó luận án được xuất bản thành sách: *Phong trào dân tộc Việt Nam và quan hệ của nó với Nhật Bản và Châu Á: tư tưởng của Phan Bội Châu về cách mạng và thế giới* (ベトナム民族運動と日本・アジアファン・ボイ・チャウの革命思想と対外認識), Gannando xuất bản 1993. Bản tiếng Việt do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia ấn hành năm 2000. Công trình này có thể coi như “tập đại thành” nghiên cứu về Phan Bội Châu của GS. Shiraishi, thậm chí của cả học giới Nhật Bản.

Ngoài những công trình trên, Shiraishi còn có 2 sách khác về Phan Bội Châu xuất bản ở Nhật: (1) *Phan Bội Châu trong thời kỳ Đông Du - Từ khi đến Nhật đến khi giao lưu với các nhà cách mạng Nhật Bản và Trung Quốc* (東遊運動期のファン・ボイ・チャウ一渡日から日・中革命家との交流まで), Gannando xuất bản, 1981; (2) *Vị anh hùng dân tộc và hoàng tử Việt Nam cùng hướng tới Nhật Bản – Phan Bội Châu và Cường Để* (日本をめざしたベトナムの英雄と皇子—ファン・ボイ・チャウとクオン・デ), Sairyusha xuất bản, 2012.

Nghiên cứu sâu về tư tưởng của Phan Bội Châu phải nói đến các bài viết của

GS. Imai Akio, học giả chuyên về lịch sử tư tưởng Việt Nam, Giáo sư Đại học Ngoại ngữ Tokyo. Ông có 3 bài được nhiều người biết đến: (1) *Nho giáo và chủ nghĩa dân chủ trong Phan Bội Châu* (ファン・チュー・チンにおける「民主主義」と儒教), kỷ yếu *Tập tham luận của Đại học Ngoại ngữ Tokyo* ngày 30/3/1990; (2) *Xung quanh “Chủ nghĩa xã hội” của Phan Bội Châu* (『社会主義』をめぐって), *Tạp chí Đại học Ngoại ngữ Tokyo*, số 45-1992, p.237-250; (3) *Tư tưởng của Phan Bội Châu trong thời kỳ giam lỏng ở Huế* (フェ軟禁時代のファン・ボイ・チャウの思想), *Tạp chí Đại học Ngoại ngữ Tokyo*, số 54-1997, p.61-72.

Tác phẩm *Tự phán* của Phan Bội Châu đã được dịch ra tiếng Nhật do nhóm các nhà nghiên cứu Utsumi Sanbachiro (内海三八郎), Chishima Eiichi (千島英一) và Sakurai Ryoju (櫻井良樹) thực hiện. Bài giới thiệu ở phần đầu sách này là một bài nghiên cứu rất công phu. Sách được Fuyo shobo xuất bản năm 1999 với nhan đề *Truyện Phan Bội Châu, nhà hoạt động vì độc lập Việt Nam - cuộc sống của nhà cách mạng bên ba Nhật Bản và Trung Quốc* (ヴェトナム独立運動家潘佩珠伝 日本・中国を駆け抜けた革命家の生涯).

Có thể kể thêm ở đây một số nghiên cứu khác nữa:

- Tomita Haruo 富田春生: *Mộ và bia kỷ niệm – di sản còn lại của phong trào Đông Du* (墓と記念碑—東遊運動が残したものの), *tạp chí Nanpo bunka*, số 2-1985; Matsumoto Kenichi 松本健一: *Sự thể nghiệm tinh thần Châu Á cận đại* (近代

アジア精神の試み), Chuokoron xuất bản, 1995;

- Shibata Shizuo 柴田静夫, *Bìa ghi ơn: Bác sĩ nghĩa hiệp Asaba Sakitaro và Phan Bội Châu* (報恩の碑: 義侠の医師浅羽佐喜太郎と潘佩珠), Seishido xuất bản, 2009;

- Tanaka Tsutomu 田中孜, *Bông hoa của phong trào Đông Du của Việt Nam ở Nhật Bản - Bí sử độc lập Việt Nam: Phong trào Đông du của Phan Bội Châu và bác sĩ Asaba Sakitaro* (日越ドンズーの華: ヴェトナム独立秘史: 潘佩珠の東遊(=日本に学べ)運動と浅羽佐喜太郎), Meiseisha xuất bản, 2010.

Bên cạnh các nhà nghiên cứu Nhật Bản, thì các nhà nghiên cứu Việt Nam ở Nhật cũng có nhiều đóng góp như: Trần Đức Thanh Phong, Trần Đức Giang, Đỗ Thông Minh, Nguyễn Tiến Lực, Đào Thu Vân... Trong đó, Nguyễn Tiến Lực với luận án tiến sĩ *Nghiên cứu quan hệ Việt Nam - Nhật Bản - từ Minh Trị duy tân đến chiến tranh Thái Bình Dương* (ベトナム・日本関係史の研究—明治維新から太平洋戦争まで) bảo vệ ở Đại học Hiroshima năm 1998, là nhà nghiên cứu tiêu biểu nhất.

5. DỊCH VÀ GIỚI THIỆU NHẬT KÝ TRONG TÙ

Nhật ký trong tù của Hồ Chí Minh là tác phẩm được dịch ra nhiều thứ tiếng thứ hai của Việt Nam sau *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Nếu như ở Nhật Bản cho đến nay có 5 bản dịch *Truyện Kiều*, thì *Nhật ký trong tù* cũng có đến 3 bản dịch. Bản dịch *Nhật ký trong tù* ra tiếng Nhật cũng thuộc vào loại sớm so với các thứ tiếng khác.

Nhật ký trong tù được giới thiệu lần đầu tiên ở Nhật Bản là bản dịch 8 bài trong tuyển tập thơ Việt Nam có tên *Việt Nam thi tập* (ベトナム詩集) thuộc tùng thư *Thế giới hiện đại thi tập* (tập 11), Ōshima Hiromitsu 大島 博光 dịch, Iidzuka xuất bản, Tokyo, 1967, phát hành 1968. Ōshima sinh năm 1910 ở thành phố Nagano, năm 1934 tốt nghiệp Khoa Văn học Pháp, Đại học Waseda. Dịch nhiều thơ Pháp và thơ thế giới, hoạt động tích cực trong phong trào văn học dân chủ, tham gia sáng lập Nhật Bản Dân chủ Chủ nghĩa Đồng minh năm 1965. Từ thập niên 1970 đến 1980 ông tập trung giới thiệu văn học, văn hóa Pháp và Châu Âu. Ông mất năm 2006, thọ 95 tuổi. Trong *Việt Nam thi tập* nói trên ông dịch 8 bài thơ trong *Nhật ký trong tù* đó là: *Khai quyển, Đi đường, Chiều tối, Cảm tưởng đọc Thiên gia thi, Chơi chữ, Ngắm trăng, Vợ người bạn tù đến nhà lao thăm chồng, Cảnh bình khiêng lợn cùng đi*.

Bản dịch *Nhật ký trong tù* đầy đủ đầu tiên là Hồ Chí Minh - *Ngục trung nhật ký - thơ và đời* (ホーチミン『獄中日記 詩とそのひと』), Akiyoshi Kukio 秋吉久紀夫 dịch, giới thiệu, Iidzuka shoten in lần thứ nhất, 1969. Akiyoshi là nhà thơ, dịch giả, giáo sư đại học. Ông sinh năm 1930 ở tỉnh Fukuoka, tốt nghiệp Đại học Kyushu, lấy bằng tiến sĩ cùng trường năm 1977, là Giáo sư Đại học nữ Fukuoka, Đại học Kyushu. Năm 1993 về hưu, được nhiều tặng thưởng về dịch thuật. Tập *Ngục trung nhật ký - thơ và đời* cấu trúc như sau: *Thơ Hồ*

Chí Minh (tựa); Nhật ký trong tù; 16 bài thơ khác của Hồ Chí tịch; Lý luận văn nghệ; Phụ lục. Sách được nghiên cứu, phiên dịch công phu. Sau lần in thứ nhất 6 năm, năm 1975, sách được Nhà xuất bản Iizuka tái bản lần thứ hai.

Bản dịch *Nhật ký trong tù* đầy đủ thứ hai là *Hồ Chí Minh - thơ và nhật ký* (ホーチミンの詩と日記) do Kawamoto Kunie dịch. Kawamoto là Giáo sư Đại học Keio, là nhà Việt Nam học người Nhật nổi tiếng (đã giới thiệu ở trên). Một năm sau khi Hồ Chí Minh từ trần, Kawamoto cho xuất bản *Hồ Chí Minh thơ và nhật ký* (ホーチミンの詩と日記, Asahi Shimbunsha xuất bản, in lần thứ nhất, Tokyo, 1970) giới thiệu về cuộc đời cách mạng, tập thơ *Nhật ký trong tù* và các bài thơ khác của Hồ Chí Minh. Các chương sách bao gồm: (1) *Đến thành phố Le Havre - Ra đi làm cách mạng*; (2) *Ngẩng đầu mặt trời đỏ*; (3) *Liễu Châu, Quế Lâm, lại Liễu Châu*; (4) *Người Việt Nam và thơ chữ Hán*; (5) *Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do*; (6) *Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh*; (7) *Lời thơ Việt Nam gửi đồng bào*; (8) *Lời bạt*.

Việc dịch và giới thiệu *Nhật ký trong tù* của Hồ Chí Minh ở Nhật Bản gắn liền với cuộc đấu tranh của giới trí thức đại học Nhật Bản chống chiến tranh Việt Nam, thể hiện tình cảm sâu sắc của giới trí thức tiến bộ Nhật Bản với nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì độc lập, thống nhất dân tộc.

KẾT LUẬN

Việt Nam và Nhật Bản đều nằm trong khu vực văn hóa chữ Hán, mô hình văn hóa truyền thống rất nhiều điểm tương đồng, nên người Nhật không cảm thấy khó khăn khi tìm hiểu văn học Việt Nam. Ở Châu Á, Nhật Bản là nước hiện đại hóa sớm nhất, nên giới nghiên cứu Nhật Bản cũng quan tâm nghiên cứu Việt Nam từ rất sớm, có lẽ chỉ sau Trung Quốc. Cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân Việt Nam vì quyền độc lập dân tộc kéo dài suốt mấy chục năm đã tạo nên sự quan tâm sâu sắc của giới trí thức Nhật Bản đối với lịch sử và văn hóa Việt Nam. Văn học Việt Nam được nghiên cứu nhiều cũng nằm trong xu hướng ấy. Gần một trăm năm nghiên cứu văn học Việt Nam, ở Nhật Bản đã hình thành nhiều thế hệ học giả, thế hệ nọ nối tiếp thế hệ kia, thành một trong những quốc gia có ngành Việt Nam học mạnh nhất thế giới. Phương pháp nghiên cứu cẩn trọng, chú trọng vào tư liệu, cách nhìn nhận khách quan, đồng thời áp dụng những phương pháp nghiên cứu tiên tiến, khiến cho việc nghiên cứu văn học của các học giả Nhật Bản có những giá trị đặc biệt, có vị trí riêng so với các nghiên cứu của các nước khác. Việc chú trọng vào văn học, cho thấy học giới Nhật Bản muốn có một hiểu biết căn bản, sâu sắc về văn hóa Việt Nam. Việc đi sâu tìm hiểu, dịch, giới thiệu các công trình nghiên cứu có giá trị của Nhật Bản về Việt Nam vẫn là một thách thức đối với các nhà nghiên cứu Việt Nam hiện nay. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- (1) Lương Thị Thu, Nguyễn Thị Oanh. 2006. “Bước đầu tìm hiểu kho sách chữ Hán của Việt Nam ở Học viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp qua Thư mục của Matsumoto Nobuhiro”. *Thông báo Hán Nôm* 2006.
- (2) Nguyễn Tiến Lực. 2017. “Nghiên cứu về Phan Bội Châu ở Nhật Bản”. *Văn hóa Nghệ An*. <http://vanhoanghean.com.vn/chuyen-muc-goc-nhin-van-hoa/nhin-ra-the-gioi/nghien-cuu-ve-phan-boi-chau-o-nhat-ban>, ngày truy cập 20/12/2017.
- (3) Kawamoto Kunie. 1998. *Truyền kỳ mạn lục san bản khảo* (傳奇漫録刊本攷). Sở Nghiên cứu Ngôn ngữ Văn hóa Đại học Keio xuất bản.